

Bản án số: 446 /2022/DS-PT

Ngày: 11/11/2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng thuê tài
sản và đòi tài sản thuê

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Chí Anh;

Các Thẩm phán:

1. Ông Vũ Toàn Giang

2. Bà Nguyễn Thu Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Lan – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Ngô Phương Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 189/2022/TLST–DS ngày 01 tháng 6 năm 2022 về việc: Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản và đòi tài sản thuê

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2022/DS-ST ngày 15 tháng 04 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 283/2022/QĐXXPT-DS ngày 10 tháng 10 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm số 437/2022/QĐHPT-PT ngày 19 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

Công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh NV

Trụ sở: Số 104 đường Cơ Đê, thôn Trung, xã Liên Trung, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1973 - Giám đốc (Vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn B, sinh năm 1960 – Phó Giám đốc (Vắng mặt) (Theo Giấy ủy quyền ngày 28/01/2021)

Bị đơn:

Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1976 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 4, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn Đ: Bà Trịnh Thị H (tên gọi khác: Hạnh), sinh năm 1981 (Có mặt) (Theo giấy ủy quyền ngày 05/01/2022)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Trịnh Thị H (tên gọi khác: H), sinh năm 1981 (Có mặt);

Địa chỉ: Thôn 4, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ và bà H là: Ông Chu Bá Th và bà Phạm Thị Q - Luật sư Công ty Luật TNHH Minh Tâm Việt (ông Th, bà Q có mặt).

Địa chỉ: P302, số 11A ngách 29/42 phố Khương Hạ, phường Khương Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Người kháng cáo: Ông Trần Văn Đ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28 tháng 01 năm 2021, bản tự khai và các biên bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn Công ty TNHH sản xuất và kinh doanh NV trình bày:

Khoảng đầu tháng 5/2019, anh Trần Văn Đ (CCCD số: 035076000946, Nơi ĐKKHKT: Trượng Lĩnh, Kim Bảng, Hà Nam, nơi cư trú hiện tại: Thôn Linh Sơn, xã Bình Yên, huyện Thạch Thất, TP. Hà Nội) có đến công ty chúng tôi để thỏa thuận thuê giàn giáo phục vụ thi công các công trình mà ông Đ đang nhận thầu. Hai bên không lập hợp đồng thuê chỉ thỏa thuận bằng miệng với nhau giá thuê các vật tư giàn giáo như sau:

TT	TÊN HÀNG & QUI CÁCH	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ/ THÁNG	GHI CHÚ
1	Giáo nêm 2.7	Cây	01	7.000	
2	Giáo nêm 2.5	Cây	01	7.000	
3	Giáo nêm 2.0	Cây	01	6.000	
4	Giáo nêm 1.5	Cây	01	5.000	
5	Giáo nêm 1.0	Cái	01	4.000	
6	Giằng nêm 1.15	Cái	01	3.500	
7	Kích 500	Cái	01	3.500	
8	Ống nối	Cái	01	500	
9	hộp 5x5	M dài	01	3.000	
10	hộp 5x10	M dài	01	5.000	

Ngoài ra, hai bên còn thỏa thuận khi mất mát hư hỏng vật tư giàn giáo thì bên thuê phải đền bù theo giá như sau:

TT	TÊN HÀNG & QUI CÁCH	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GHI CHÚ
1	Giáo nêm 2.7	Cây	01	150.000	

2	Giáo nêm 2.5	Cây	01	140.000	
3	Giáo nêm 2.0	Cây	01	120.000	
4	Giáo nêm 1.5	Cây	01	100.000	
5	Giáo nêm 1.0	Cái	01	80.000	
6	Giăng nêm 1.15	Cái	01	45.000	
7	Kích 500	Cái	01	40.000	
8	Ống nối	Cái	01	5.000	
9	hộp 5x5	M dài	01	45.000	
10	hộp 5x10	M dài	01	70.000	

Sau khi thỏa thuận thì chúng tôi chuyển các vật tư giàn giáo đến các công trình mà anh Đ đang thi công là công trình số 29 Nhà Chung, công trình KTX Hon đa ở Đồng Văn Phú Lý, Công trình Trường Mầm non Yên Sở, Công trình Công ty Sao Thái Dương, Công trình Bộ tư lệnh pháo binh. (Số lượng vật tư theo các phụ lục được gửi kèm bản tự khai này).

Các lần chuyển hàng cho phía ông Đ thuê đều có phiếu xuất kho và ký nhận của người đại diện bên phía ông Đ cử. Sau khi thuê xong ông Đ trả lại vật tư đều có phiếu nhập kho và có ký nhận của các bên.

Chúng tôi cho ông Đ thuê từ đầu tháng 5/2019 đến ngày 31/3/2020 thì hai bên chốt nợ số tiền thuê và số vật tư giàn giáo còn nợ theo biên bản chốt nợ do ông Đ ký ngày 31/3/2020 (biên bản này đã được gửi kèm đơn khởi kiện).

Theo đó, tính đến ngày 31/3/2021, tổng nợ tiền thuê của các công trình anh Đ nhận thầu là 1.391.340.633đ và anh Đ nợ công ty số vật tư sau đây:

1. Tiền thuê hàng

Tên công trình	Tiền thuê
Kí túc xá Hon Đa	867.600.933 đồng
Sao Thái Dương	318.336.450 đồng
29 Nhà Chung	171.908.000 đồng
Mầm non Yên Sở	33.495.250 đồng
Cộng tổng	1.391.340.633 đồng

2. Số lượng vật tư tồn chưa trả lại:

Tên công trình	Tên vật tư									
	hộp 5x5	hộp 5x10	Giáo 2.7	Giáo 2.5	Giáo 2	Giáo 1.5	Giáo 1	Giăng 1.15	Kích nêm	Ống nối
Kí túc xá honda	6860	2215	67	426	-68		12	-420	1305	100

Sao Thái Dương	125	356.5		105	-80	167			-60	-440
29 Nhà Chung	- 2127	- 793.5	417	-90	-323			1388	-453	
BTL Pháo Binh	3732				530			3100	819	
Cộng tổng	8590	1778	484	441	59	167	12	4068	1611	-340

Từ khi thuê hàng đến ngày 31/3/2020, ông Đ trả công ty chúng tôi được số tiền là 170.000.000đ tiền mặt đưa trực tiếp và 280.000.000đ tiền chuyển khoản vào các ngày sau đây:

Ngày 03/6/2019	50.000.000
Ngày 12/9/2019	30.000.000
Ngày 07/10/2019	180.000.000
Ngày 08/10/2019	20.000.000
Cộng	280.000.000

Hiện tại, ông Đ còn nợ lại công ty chúng tôi là: **941.340.633** đồng tiền thuê và **915.890.000đ** tiền đền bù các vật tư còn thiếu, cụ thể như sau:

Hộp 5x5: 8590 x 45.000đ = 386.550.000đ

Hộp 5x10: 1778 x 70.000đ = 124.460.000đ

Giáo 2.7: 484 x 150.000đ = 72.600.000đ

Giáo 2.5: 441 x 140.000đ = 61.740.000đ

Giáo 2: 59 x 120.000đ = 7.080.000đ

Giáo 1.5: 167 x 100.000đ = 16.700.000đ

Giáo 1: 12 x 80.000đ = 960.000đ

Giăng 1.15: 4068 x 45.000đ = 183.060.000đ

Kích nôm: 1611 x 40.000đ = 64.440.000đ

Ông nôi: -340 x 5000 = - 1.700.000đ (số “-” thể hiện phía anh Đ trả thừa 340 cái ống nôi).

Tổng: 915.890.000đ

Công ty đã cử người đến nhà ông Đ nhiều lần để yêu cầu thanh toán nhưng ông Đ nhiều lần không hợp tác và không thanh toán cho công ty chúng tôi. Chúng tôi thấy ông Đ đã chiếm dụng tài sản của công ty chúng tôi và lẩn trốn trách nhiệm, vì vậy, chúng tôi đề nghị quý Tòa buộc ông Đ phải có trách nhiệm trả cho công ty chúng tôi số tiền thuê còn nợ là **941.340.633đ** và số tiền đền bù các vật tư giàn giáo còn đang giữ của chúng tôi là: **915.890.000đ. Tổng hai khoản là: 1.857.230.633 đồng.**

Ngoài ra, chúng tôi xin tự khai thêm chi tiết sau đây:

Trong quá trình ông Đ thuê vật tư giàn giáo của chúng tôi, thì có thời điểm công ty chúng tôi bị thiếu hàng nên phải thuê của công ty TNHH Chế biến lâm sản XNK Thu Tân (do ông Nguyễn Xuân Tân làm giám đốc) để cho phía ông Đ thuê lại nên trong hồ sơ khởi kiện có các phiếu xuất kho và nhập kho của Công ty Chế biến XNK Thu Tân sau đây:

Số phiếu	Ngày giao nhận	Tên công trình
433	12/5/2019	Kí túc xá Hon Đa
0039	12/5/2019	Kí túc xá Hon Đa
0040	13/5/2019	Kí túc xá Hon Đa
434	13/5/2019	Kí túc xá Hon Đa
0041	14/5/2019	Kí túc xá Hon Đa
437	15/5/2019	Kí túc xá Hon Đa
0042	15/5/2019	Kí túc xá Hon Đa
0046	23/5/2019	Kí túc xá Hon Đa
0047	24/5/2019	Kí túc xá Hon Đa
0052	27/7/2019	Kí túc xá Hon Đa
0054	29/5/2019	Kí túc xá Hon Đa
0055	29/5/2019	Kí túc xá Hon Đa
444	1/6/2019	Kí túc xá Hon Đa
0060	2/6/2019	Kí túc xá Hon Đa
445	3/6/2019	Kí túc xá Hon Đa
388	3/6/2019	Kí túc xá Hon Đa
446	4/6/2019	Kí túc xá Hon Đa
127	4/9/2019	Kí túc xá Hon Đa
128	5/6/2019	Kí túc xá Hon Đa
0101	6/6/2019	Kí túc xá Hon Đa
0102	7/6/2019	Kí túc xá Hon Đa
448	8/6/2019	Kí túc xá Hon Đa
0103	8/6/2019	Kí túc xá Hon Đa
450	10/6/2019	Kí túc xá Hon Đa
0104	10/6/2019	Kí túc xá Hon Đa
0105	12/6/2019	Kí túc xá Hon Đa
0106	13/9/2019	Kí túc xá Hon Đa
0108	15/9/2019	Kí túc xá Hon Đa
0061	16/6/2019	Kí túc xá Hon Đa
0110	17/6/2019	Kí túc xá Hon Đa
0111	17/6/2019	Kí túc xá Hon Đa

0112	18/6/2019	Kí túc xá Hon Đa
0113	19/6/2019	Kí túc xá Hon Đa
0114	20/6/2019	Kí túc xá Hon Đa
0005	21/6/2019	Kí túc xá Hon Đa
0115	21/6/2019	Kí túc xá Hon Đa
0067	22/6/2019	Kí túc xá Hon Đa
0068	22/6/2019	Kí túc xá Hon Đa
0116	24/6/2019	Kí túc xá Hon Đa
0011	7/7/2019	Kí túc xá Hon Đa
1345	5/8/2019	Kí túc xá Hon Đa
848	5/8/2019	Kí túc xá Hon Đa
1343	5/8/2019	Kí túc xá Hon Đa
1346	6/8/2019	Kí túc xá Hon Đa
1347	7/8/2019	Kí túc xá Hon Đa
1440	8/8/2019	Kí túc xá Hon Đa
1350	9/8/2019	Kí túc xá Hon Đa
1443	9/8/2019	Kí túc xá Hon Đa
1351	10/8/2019	Kí túc xá Hon Đa
1445	10/8/2019	Kí túc xá Hon Đa
1447	12/8/2019	Kí túc xá Hon Đa
1355	12/8/2019	Kí túc xá Hon Đa
1449	13/8/2019	Kí túc xá Hon Đa
1448	13/8/2019	Kí túc xá Hon Đa
1356	14/9/2019	Kí túc xá Hon Đa
1357	14/8/2019	Kí túc xá Hon Đa
1154	15/8/2019	Kí túc xá Hon Đa
1155	16/8/2019	Kí túc xá Hon Đa
1158	16/8/2019	Kí túc xá Hon Đa
1157	17/8/2019	Kí túc xá Hon Đa
1158	17/8/2019	Kí túc xá Hon Đa
1159	17/8/2019	Kí túc xá Hon Đa
1160	20/8/2019	Kí túc xá Hon Đa
1161	21/8/2019	Kí túc xá Hon Đa
136	21/8/2019	Kí túc xá Hon Đa
137	21/8/2019	Kí túc xá Hon Đa
1370	22/8/2019	Kí túc xá Hon Đa
1368	22/8/2019	Kí túc xá Hon Đa
1369	22/8/2019	Kí túc xá Hon Đa

1373	24/8/2019	Kí túc xá Hon Đa
1372	24/8/2019	Kí túc xá Hon Đa
1375	26/8/2019	Kí túc xá Hon Đa
1162	26/8/2019	Kí túc xá Hon Đa
1164	27/8/2019	Kí túc xá Hon Đa
1167	23/8/2019	Kí túc xá Hon Đa
1169	29/8/2019	Kí túc xá Hon Đa
1170	31/8/2019	Kí túc xá Hon Đa
1171	31/8/2019	Kí túc xá Hon Đa
981	7/5/2019	Pháo Bình
0033	7/5/2019	Pháo Bình
0035	8/5/2019	Pháo Bình
435	13/5/2019	Pháo Bình
0026	27/7/2019	Pháo Bình
1485	1/12/2019	Pháo Bình
148	4/1/0/2019	Sao Thái Dương
147	4/10/2019	Sao Thái Dương
0208	5/10/2019	Sao Thái Dương
0285	6/10/2019	Sao Thái Dương
0286	7/10/2019	Sao Thái Dương
0333	8/10/2019	Sao Thái Dương
0334	9/10/2019	Sao Thái Dương
0289	11/10/2019	Sao Thái Dương
0290	12/10/2019	Sao Thái Dương
0337	13/10/2019	Sao Thái Dương
0338	14/10/2019	Sao Thái Dương
0296	18/10/2019	Sao Thái Dương
0342	18/10/2019	Sao Thái Dương
0302	3/10/2019	Mầm non Yên Sở
0246	11/10/2019	Mầm non Yên Sở
0293	16/10/2019	Mầm non Yên Sở
0241	10/9/2019	29 Nhà Chung
0137	10/9/2019	29 Nhà Chung
0271	13/9/2019	29 Nhà Chung
0272	13/9/2019	29 Nhà Chung
0200	14/9/2019	29 Nhà Chung
0138	15/9/2019	29 Nhà Chung
0278	30/9/2019	29 Nhà Chung

0238	30/9/2019	29 Nhà Chung
0104	10/10/2019	29 Nhà Chung
0 số	7/1/2020	29 Nhà Chung

Các phiếu này chúng tôi xuất trình cho Tòa án mang tên công ty TNHH CBLS XNK Thu Tân. Đây là vấn đề làm ăn riêng giữa Công ty chúng tôi và Công ty TNHH CBLS XNK Thu Tân. Chúng tôi đã thanh toán cho phía công ty TNHH CBLS XNK Thu Tân đầy đủ tiền thuê. Phía công ty TNHH CBLS XNK Thu Tân không liên quan trong vụ án này.

Ngoài ra trong hồ sơ khởi kiện có một số phiếu xuất kho và phiếu nhập kho các vật tư giàn giáo xây dựng liên quan đến công trình UBND phường Cổ Nhuế nhưng các vật tư giàn giáo mà ông Đ thuê để xây dựng công trình này chúng tôi đã thanh toán với nhau xong, không liên quan đến vụ án này.

Theo bản tự khai và các biên bản làm việc tại Tòa án, bị đơn – ông Trần Văn Đ, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – bà Trịnh Thị Hằng thống nhất trình bày:

Chúng tôi là vợ chồng, tôi và bà Hằng là người đứng ra thỏa thuận thuê của Công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh NV do ông Tuấn làm Giám đốc (Công ty NV) các giàn giáo, cốt pha bằng sắt để phục vụ xây dựng các công trình do chúng tôi nhận thầu. Tôi không phải là người đứng ra thỏa thuận, giá cả thuê. Quá trình làm việc với Công ty NV, bà Hằng với ông Tuấn thỏa thuận giá thuê bằng lời nói với nhau chứ không có lập hợp đồng thuê và không chỉ định ai là người nhận ủy quyền của các bên để giao nhận hàng. Chúng tôi chỉ thỏa thuận khi chúng tôi làm công trình nào thì công ty NV mang giàn giáo, cốt pha vào cho chúng tôi thuê, chúng tôi đưa trước một phần tiền và thanh toán đổi trừ sau. Giá thuê theo từng loại giàn giáo, cốt pha cụ thể.

Khi vợ chồng chúng tôi xây dựng các công trình tại Khu công nghiệp Việt – Nhật ở Đồng Văn, Hà Nam, công trình Trường học Yên Sở, công trình trường học số 29 phố Nhà Trung, Hà Nội và công trình nhà xưởng Công ty Sao Thái Dương, chúng tôi có thuê của Công ty NV các giàn giáo, cốt pha bằng sắt, khi các công trình này gần xong thì chúng tôi đã trả lại cho Công ty NV đầy đủ các giàn giáo, cốt pha trên theo đối chiếu hóa đơn thuê với nhau. Chúng tôi đã thanh toán được cho Công ty NV số tiền 370.000.000đ tiền mặt và 300.000.000đ chuyển khoản, khi giao nhận tiền thì hai bên không lập văn bản giấy tờ gì vì tin tưởng nhau.

Khi thỏa thuận thuê giàn giáo, cốt pha phục vụ các công trình nêu trên, ông Tuấn đưa ra một mức giá, khi quyết toán thì ông Tuấn lại tính mức giá khác cao hơn nên chúng tôi chưa đồng ý. Hiện tại theo mức giá thỏa thuận ban đầu thì chúng tôi đã thanh toán gần đủ, chúng tôi chỉ nợ lại một ít, số tiền cụ thể bao nhiêu chúng tôi không nắm được rõ vì giàn giáo, cốt pha có nhiều chủng loại, kích thước khác nhau, hai bên phải ngồi lại tính toán mới biết được con số đầy đủ.

Các giàn giáo, cốt pha, số tiền còn nợ lại theo danh mục trong Văn bản chốt nợ ký ngày 31/3/2020 (do công ty NV cung cấp cho Tòa án) mà tôi ký là tất cả giàn giáo,

cốt pha, tiền còn nợ lại của tất cả các công trình chúng tôi đứng ra thuê của công ty NV.

Lý do tôi ký vào Văn bản chốt nợ ngày 31/3/2020 với Công ty NV là vì ông Tuấn gây áp lực với tôi, chửi bới tôi nên tôi mới ký vào đấy, chứ thực tế chúng tôi không còn nợ nhiều tiền và số hàng như thế. Chúng tôi xác nhận còn đang giữ, chưa trả lại phía công ty NV số giàn giáo, cốt pha của tất cả các công trình vợ chồng tôi đứng ra thuê nhưng không nhiều như danh mục trong văn bản chốt nợ tính đến ngày 31/3/2020, còn về số tiền còn nợ lại Công ty NV thì do chúng tôi chưa thống nhất được giá cả nên chúng tôi còn phải đối chiếu lại giá cả với nhau.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chúng tôi có ý kiến như sau: Chúng tôi thống nhất còn đang giữ, chưa trả lại phía công ty NV số giàn giáo, cốt pha của tất cả các công trình vợ chồng tôi đứng ra thuê nhưng không nhiều như danh mục trong văn bản chốt nợ tính đến ngày 31/3/2020, còn về số tiền còn nợ lại Công ty NV thì do chúng tôi chưa thống nhất được giá cả nên chúng tôi còn phải đối chiếu lại giá cả với nhau mới biết được số liệu cụ thể.”.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 16/02/2022, bà Trịnh Thị Hằng là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và là đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Trần Văn Đ có đề nghị Tòa án đưa những người có tên sau đây tham gia tố tụng:

- Ông Vũ Tiến Liêm, sinh ngày 17/01/1987, địa chỉ: Xã Thanh Thủy, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam. Số điện thoại: 037.858.5595, tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan với lý do: Ông Liêm là người trực tiếp thuê giàn giáo của Công ty NV.

- Ông Lương Văn Lý, ông Lương Văn Tâm tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng với lý do: Ông Lý và ông Tâm là người làm thuê, nhận hàng cho ông Liêm.

- Ông Trần Văn Hồng, ông Hiếu tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng với lý do: Ông Hồng, ông Hiếu là người lái xe, chở hàng cho ông Liêm.

Người làm chứng – ông Nguyễn Xuân Tân – Đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Chế biến lâm sản Xuất nhập khẩu Thu Tân:

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/8/2021, người làm chứng là ông Nguyễn Xuân Tân – Đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Chế biến lâm sản Xuất nhập khẩu Thu Tân trình bày: “Tôi là giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Chế biến lâm sản Xuất nhập khẩu Thu Tân, công ty chúng tôi kinh doanh nhiều ngành nghề trong đó có kinh doanh cho thuê vật tư giàn giáo. Khoảng giữa năm 2019 đến đầu năm 2020, anh Tuấn là giám đốc Công ty TNHH sản xuất và kinh doanh NV (Công ty NV) có đặt vấn đề hỏi thuê của Công ty chúng tôi một số vật tư giàn giáo để cho khách của Công ty NV là vợ chồng ông Đ, bà Hằng thuê lại tại các công trình Kí túc xá Honda, Bộ tư lệnh Pháo binh, Công ty Sao Thái Dương, Trường mầm non Yên Sở và Công trình số 29 phố Nhà Chung. Hai bên thỏa thuận và thanh toán trực tiếp với

nhau, còn khách của Công ty NV thuê lại các giàn giáo này thì tự phía Công ty NV thanh toán và đòi tiền khách hàng, chúng tôi không liên quan.

Hiện tại, Công ty chúng tôi và Công ty NV đã thanh toán với nhau đầy đủ tiền thuê, không còn nợ nần gì nhau và không có ý kiến thắc gì với nhau liên quan đến việc thuê vật tư giàn giáo tại các công trình này.

Việc Công ty NV đang khởi kiện vợ chồng ông Đ, bà Hằng tại Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất về việc đòi tiền thuê và đòi vật tư giàn giáo đã thuê, đề nghị Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án theo quy định. Công ty chúng tôi không liên quan trong vụ án này.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2022/DS-ST ngày 15 tháng 04 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội đã quyết định:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh NV:

1.1. Buộc ông Trần Văn Đ và bà Trịnh Thị Hằng (tên gọi khác: Hạnh) phải trả cho Công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh NV số tiền thuê tài sản theo văn bản chốt nợ ngày 31/3/2020 do ông Trần Văn Đ ký nhận nợ đối với Công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh NV là 941.340.633 đồng (Chín trăm bốn mươi một triệu, ba trăm bốn mươi nghìn, sáu trăm ba mươi ba đồng).

1.2. Buộc ông Trần Văn Đ và bà Trịnh Thị Hằng (tên gọi khác: Hạnh) phải trả cho Công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh NV số tiền bồi thường thiệt hại do không trả tài sản thuê theo văn bản chốt nợ ngày 31/3/2020 do ông Trần Văn Đ ký nhận nợ đối với Công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh NV là 457.885.000 đồng (Bốn trăm năm mươi bảy triệu, tám trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Tổng số tiền ông Trần Văn Đ và bà Trịnh Thị Hằng (tên gọi khác: Hạnh) phải trả cho Công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh NV là 1.399.225.633 đồng (Một tỉ, ba trăm chín mươi chín triệu, hai trăm hai mươi lăm nghìn, sáu trăm ba mươi ba đồng).

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22/4/2022, ông Trần Văn Đ kháng cáo và không đồng ý với nội dung bản án đã tuyên.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn: giữ nguyên yêu cầu khởi kiện

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đ và bà Hằng trình bày quan điểm: giữ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

TAND huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội đã xét xử tuyên án không khách quan, không công bằng, không tiến hành xem xét, đánh giá chứng cứ một cách toàn diện, đầy đủ trong quá trình giải quyết vụ án. Cụ thể:

- Vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng: Toà án cấp sơ thẩm lấy lời khai của bà Hằng và ghi trong Biên bản lấy lời khai là Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan

trong khi theo Thông báo thụ lý nhận được thì bà Hằng không có tư cách tham tố tụng trong vụ án này. Như vậy, Toà án cấp sơ thẩm đã vi phạm Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Ngoài ra, Toà án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án do giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: bà Hằng không phải là bị đơn nên không có nghĩa vụ phải trả nợ.

- Vi phạm nghiêm trọng trong việc đánh giá chứng cứ: Toà án cấp sơ thẩm căn cứ duy nhất là Văn bản ký ngày 31/3/2020 có chữ ký của ông Đ do Công ty NV cung cấp cho Toà án để giải quyết vụ án là không chính xác, không khách quan và làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ. Bởi khi ông Đ ký Văn bản ngày 31/3/2020 do bị ông Tuấn đe dọa, ép buộc uy hiếp tinh thần nên trong tình huống đó ông Đ phải ký vào giấy tờ đó để bảo vệ tính mạng của mình. Để đánh giá tính khách quan của chứng cứ, xác định đúng bản chất sự việc thì cần phải xem xét đánh giá biên bản chốt nợ ngày 31/3/2020 này với tổng thể các tài liệu khác có trong giao dịch hợp đồng trong hồ sơ vụ án, bao gồm: hợp đồng (thỏa thuận miệng); phiếu xuất kho giao nhận hàng hoá giữa hai bên; hoá đơn giá trị gia tăng VAT khi Công ty NV thực hiện hoạt động kinh doanh hợp đồng này và các bản lời khai của ông Đ và bà Hằng.

- Vi phạm về thu thập chứng cứ: Chưa đưa ông Vũ Tiên Liêm tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

- Về giá cả thuê: Mặc dù các bên có tranh chấp về giá cả thuê, chưa thống nhất được số tiền nợ còn phải trả nhưng Toà án cấp sơ thẩm không xem xét nội dung này để áp dụng Điều 473 Bộ luật dân sự 2015 để xác định giá thuê và số tiền thuê còn nợ. Điều này làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của tôi dẫn đến việc giải quyết vụ án không khách quan, không chính xác, không đúng bản chất sự việc.

Các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ, đưa ra yêu cầu mới và giữ nguyên lời khai đã trình bày

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS: Đảm bảo đúng thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm theo đúng quy định tại Điều 286 BLTTDS; Việc thu thập, giao nộp và công khai chứng cứ theo đúng quy định của BLTTDS; Việc bàn giao, thông báo các quyết định, văn bản tố tụng, hồ sơ của Tòa án theo đúng quy định của BLTTDS; Thành phần Hội đồng xét xử theo đúng quy định của BLTTDS và đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy: khoảng tháng 05/2019, Công ty TNHH sản xuất và kinh doanh NV có thỏa thuận bằng lời nói với ông Đ, bà Hằng về việc cho thuê giàn giáo, cốt pha bằng sắt để phục vụ xây dựng

các công trình do vợ chồng ông Đ, bà Hằng nhận thầu. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đ, bà Hằng có xác nhận còn đang giữ, chưa trả lại phía nguyên đơn số giàn giáo, cốt pha của tất cả các công trình mà vợ chồng ông đứng ra thuê nhưng không nhiều như danh mục trong văn bản chốt nợ tính đến ngày 31/3/2020; việc ông Đ ký vào văn bản chốt nợ này là vì ông Tuấn gây áp lực, chửi bới ông Đ. Tại biên bản làm việc ngày 12/5/2021, Toà án cấp sơ thẩm yêu cầu ông Đ, bà Hằng cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình trong thời gian 15 ngày kể từ ngày 12/5/2021. Tuy nhiên, đến nay ông Đ, bà Hằng không xuất trình cho Toà án các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Do đó, cấp sơ thẩm căn cứ vào chứng cứ duy nhất là Biên bản chốt nợ ngày 31/3/2020 mà ông Đ đã ký để xác định số tiền thuê tài sản mà phía bị đơn phải trả và số tài sản thuê mà phía bị đơn đang giữ là có cơ.

Về số tiền thuê tài sản mà số bị đơn còn nợ: Nguyên đơn xác nhận: bị đơn đã trả được số tiền thuê là 450.000.000đ (trả tiền mặt là 170.000.000đ và chuyển khoản 280.000.000đ). Tuy nhiên, trong các bản tự khai, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày đã thanh toán được cho nguyên đơn số tiền 370.000.000đ tiền mặt và 300.000.000đ chuyển khoản, khi giao nhận tiền hai bên không lập giấy tờ do tin tưởng nhau. Căn cứ vào Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/3/2020 do ông Đ ký xác nhận “*Tiền trả bằng tiền mặt là 170.000.000đ*” nên có cơ sở để chấp nhận lời trình bày của nguyên đơn; còn đối với số tiền chuyển khoản, bị đơn không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh số tiền chuyển khoản là 300.000.000đ nên không có cơ sở chấp nhận. Như vậy, số tiền thuê tài sản phía bị đơn còn nợ lại nguyên đơn là: $1.391.340.633đ - 450.000.000đ = 941.340.633đ$; đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu đòi tiền thuê tài sản của nguyên đơn.

Về giá trị tài sản thuê bị đơn còn đang giữ của nguyên đơn: Tại biên bản định giá tài sản ngày 11/01/2022, số tài sản thuê mà phía bị đơn chưa trả nguyên đơn có tổng giá trị là 457.885.000đồng.

Khi Công ty TNHH sản xuất và kinh doanh NV và ông Đ giao kết hợp đồng thuê giàn giáo thì bà Hằng và ông Đ đang là vợ chồng. Do đó, căn cứ vào Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, bà Hằng phải có nghĩa vụ cùng ông Đ thanh toán trả nợ cho nguyên đơn.

Căn cứ vào các Điều 479, 482 Bộ luật dân sự, Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu đòi bị đơn phải thanh toán giá trị tài sản thuê của nguyên đơn là cơ sở sở. Quan điểm của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Từ phân tích trên đề nghị HĐXX: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm số 22/2022/DSST ngày 15/4/2022 của Toà án nhân dân huyện Thạch Thất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa và người tham gia tố tụng về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật:

Nguyên đơn – Công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh NV khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Trần Văn Đ thanh toán tiền thuê tài sản theo thỏa thuận thuê tài sản là giàn giáo phục vụ thi công các công trình đã được thực hiện từ tháng 5/2019 đến ngày 31/3/2020 giữa Công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh NV và ông Trần Văn Đ; ông Trần Văn Đ cư trú tại thôn 4, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là quan hệ pháp luật “tranh chấp hợp đồng thuê tài sản và đòi tài sản thuê” là đúng quy định của pháp luật. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng:

- Về thời hạn kháng cáo: Ngày 22/4/2022, Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội nhận đơn kháng cáo đề ngày 22/4/2022 của bị đơn – ông Trần Văn Đ. Như vậy đơn kháng cáo của ông Trần Văn Đ đã nộp trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về yêu cầu bổ sung tư cách tham gia tố tụng của các đương sự theo yêu cầu của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 16/02/2022, bà Trịnh Thị Hằng là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và là đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Trần Văn Đ có đề nghị Tòa án đưa những người có tên sau đây tham gia tố tụng: Ông Vũ Tiến Liêm - người trực tiếp thuê giàn giáo của Công ty NV; Ông Lương Văn Lý, ông Lương Văn Tâm - người làm thuê, nhận hàng cho ông Liêm. Còn ông Trần Văn Hồng, ông Hiếu đề nghị Tòa án đưa tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng với lý do: Ông Hồng, ông Hiếu là người lái xe, chở hàng cho ông Liêm.

Xét thấy: trong quá trình tố tụng mặc dù TAND huyện Thạch Thất có yêu cầu ông Đ, bà Hằng phải cung cấp các tài liệu để có căn cứ xác định tư cách tố tụng của những người mà ông bà yêu cầu bổ sung nhưng ông Đ, bà Hằng không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ đó, cụ thể: Các tài liệu, chứng cứ chứng minh để xác định họ và tên, năm sinh, địa chỉ cụ thể (ghi từ cấp độ Thôn trở lên) cũng như chứng minh mối quan hệ của những người mà ông bà yêu cầu Tòa án đưa vào tham gia tố tụng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không bổ sung những người mà ông Đ, bà Hằng yêu cầu vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cũng như người làm chứng trong vụ án này là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với tư cách tham gia tổ tụng của Công ty TNHH Chế biến lâm sản Xuất nhập khẩu Thu Tân (Công ty Thu Tân). Xét thấy: Trong quá trình làm việc tại Tòa án, phía bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng thừa nhận, phía bị đơn chỉ thuê vật tư giàn giáo của phía nguyên đơn. Phía nguyên đơn và Công ty Thu Tân cùng xác nhận, nguyên đơn có thuê giàn giáo của Công ty Thu Tân và cho ông Đ thuê lại tại một số công trình nêu trên. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định Công ty TNHH Chế biến lâm sản Xuất nhập khẩu Thu Tân không phải là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan mà chỉ là người làm chứng trong vụ án này là có cơ sở pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo của bị đơn – ông Trần Văn Đ:

[3.1]. Về việc giao kết giao dịch thuê giàn giáo phục vụ thi công các công trình đã được thực hiện từ tháng 5/2019 đến ngày 31/3/2020 giữa Công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh NV và ông Trần Văn Đ:

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ngày 23/4/2021 và bản tự khai của nguyên đơn ngày 23/7/2021 các bên đều thừa nhận: Từ tháng 5/2019 đến ngày 31/3/2020 giữa Công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh NV và ông Trần Văn Đ có thoả thuận bằng miệng về việc ông Trần Văn Đ thuê giàn giáo phục vụ thi công công trình của Công ty TNHH sản xuất và kinh doanh NV. Hai bên không lập hợp đồng thuê bằng văn bản và không chỉ định ai là người nhận ủy quyền của các bên để giao nhận hàng.

Như vậy, thoả thuận thuê giàn giáo giữa Công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh NV và ông Trần Văn Đ mặc dù được thể hiện bằng lời nói nhưng đây không thuộc trường hợp bắt buộc các bên giao kết bằng hợp đồng; đồng thời tại thời điểm giao kết các bên hoàn toàn tự nguyện, có đủ năng lực tham gia giao dịch; mục đích, nội dung của giao dịch theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, căn cứ vào Điều 117 Bộ luật dân sự 2015 xác định có tồn tại giao dịch thuê tài sản là giàn giáo giữa Công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh NV và ông Trần Văn Đ và đây là giao dịch hợp pháp, các bên có nghĩa vụ thực hiện.

[3.2] *Về quá trình thực hiện giao dịch:*

Theo lời khai của các bên cũng như hồ sơ trong vụ án thể hiện: Sau khi thoả thuận về việc thuê giàn giáo, Công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh NV đã chuyển các vật tư giàn giáo đến các công trình mà ông Đ đang thi công là công trình số 29 Nhà Chung, công trình KTX Hòn đa ở Đồng Văn Phú Lý, Công trình Trường Mầm non Yên Sở, Công trình Công ty Sao Thái Dương, Công trình Bộ tư lệnh pháo binh. Đến ngày 31/3/2020, hai bên đã ký biên bản chốt công nợ (biên bản này đã được gửi kèm đơn khởi kiện) với tổng số tiền thuê của các công trình ông Đ còn nợ Công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh NV là 1.391.340.633đ và số lượng giàn giáo, cốt pha, số tiền còn nợ chưa trả (theo danh mục trong Văn bản chốt nợ ký ngày 31/3/2020 (do phía nguyên đơn cung cấp cho Tòa án). Tuy nhiên, ông Đ đưa ra lý do ông Đ ký vào Văn bản chốt nợ này là vì ông Tuấn gây áp lực, chửi bới ông Đ nên ông Đ mới ký. Đối với

số giàn giáo, cốt pha chưa trả theo văn bản trên ông Đ, bà Hằng xác nhận: họ còn đang giữ, chưa trả lại phía nguyên đơn số giàn giáo, cốt pha của tất cả các công trình mà vợ chồng ông đứng ra thuê nhưng không nhiều như danh mục trong văn bản chốt nợ tính đến ngày 31/3/2020; còn về số tiền thuê còn nợ lại, do hai bên chưa thống nhất được giá cả nên hai bên còn phải đối chiếu lại giá cả với nhau.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản làm việc ngày 12/5/2021, Tòa án yêu cầu ông Đ, bà Hằng cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh các nội dung sau:

- Việc ông Đ ký văn bản chốt nợ ngày 31/3/2020 với Công ty NV là do bị phía ông Tuấn – Giám đốc Công ty NV ép buộc, gây áp lực.

- Số lượng giàn giáo, cốt pha phía ông Đ, bà Hằng hiện tại đang giữ của phía Công ty NV và số tiền thuê còn nợ lại phía Công ty NV **ít hơn** số lượng giàn giáo, cốt pha và số tiền còn nợ lại theo văn bản chốt nợ ngày 31/3/2020 do phía Công ty NV cung cấp.

Đồng thời, Tòa án ấn định cho ông Đ, bà Hằng 15 ngày kể từ ngày 12/5/2021, ông Đ, bà Hằng phải cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ nêu trên. Tuy nhiên, tính đến thời điểm hiện tại, ông Đ, bà Hằng không xuất trình cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ về nội dung trên. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào biên bản chốt nợ ngày 31/3/2020 mà ông Đ đã ký để xác định số tiền thuê tài sản mà phía bị đơn còn nợ phía nguyên đơn là 1.391.340.633 đồng và số tài sản thuê mà phía bị đơn đang giữ chưa trả phía nguyên đơn là: Hộp 5x5: 8590m, Hộp 5x10: 1778m, Giáo nêm 2,7m: 484 cây, Giáo nêm 2,5: 441 cây, Giáo nêm 2m: 59 cây, Giáo nêm 1,5m: 167 cây, Giáo nêm 1m: 12 cây, Giằng nêm 1,15m: 4068 cái, Kích dài: 1611 cái, Ống nổi: -340 cái (tại bản tự khai ngày 23/7/2021, nguyên đơn thừa nhận dấu “-” là phía bị đơn trả thừa 340 cái ống nổi) là có căn cứ và phù hợp với thực tế diễn biến của vụ việc.

Trong quá trình giải quyết vụ án phía nguyên đơn xác nhận: phía bị đơn đã trả được phía nguyên số tiền thuê là: 450.000.000 đồng (Trả tiền mặt 170.000.000đ và chuyển khoản 280.000.000đ). Vì vậy, số tiền thuê tài sản phía bị đơn còn nợ lại phía nguyên đơn là: 1.391.340.633đ – 450.000.000đ = 941.340.633 đồng. Căn cứ vào Điều 472, 473, 474, 481 Bộ luật dân sự 2015, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn là đúng theo quy định của pháp luật

Tại biên bản định giá tài sản ngày 11/01/2022, số tài sản thuê mà phía bị đơn đang giữ chưa trả phía nguyên đơn có giá trị như sau:

- + Hộp 5x5: 22.500đ/m x 8590m = 193.275.000 đồng
- + Hộp 5x10: 35.000đ/m x 1778m = 62.230.000 đồng
- + Giáo nêm 2,7m: 75.000đ/cây x 484 cây = 36.300.000 đồng
- + Giáo nêm 2,5: 70.000đ/cây x 441 cây = 30.870.000 đồng
- + Giáo nêm 2m: 60.000đ/cây x 59 cây = 3.540.000 đồng
- + Giáo nêm 1,5m: 50.000đ/cây x 167 cây = 8.350.000 đồng
- + Giáo nêm 1m: 35.000đ/cây x 12 cây = 420.000 đồng

+ Giăng nôm 1,15m: 22.500đ/cái x 4068 cái = 91.530.000 đồng
+ Kích dài: 20.000đ/cái x 1611 cái = 32.220.000 đồng
+ Ống nối: -340 cái x 2.500đ/cái = - 850.000 đồng.
Tổng cộng: 457.885.000 đồng.

Căn cứ vào các Điều 479, 482 Bộ luật dân sự 2015, Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ. Do đó các yêu cầu, quan điểm của phía bị đơn và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Khi Công ty TNHH sản xuất và kinh doanh NV và ông Trần Văn Đ giao kết hợp đồng thuê giàn giáo thì bà Trịnh Thị Hằng và ông Đ đang là vợ chồng. Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/4/2021, ông Đ bà Hằng đều thừa nhận ông bà còn đang giữ, chưa trả lại phía công ty NV số giàn giáo, cốt pha của tất cả các công trình vợ chồng ông bà đứng ra thuê nhưng không nhiều như danh mục trong văn bản chốt nợ tính đến ngày 31/3/2020, còn về số tiền còn nợ lại Công ty NV thì do ông bà chưa thống nhất được giá cả nên ông bà còn phải đối chiếu lại giá cả với nhau mới biết được số liệu cụ thể. Căn cứ vào Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, bà Hằng phải có nghĩa vụ cùng ông Đ thanh toán trả nợ cho nguyên đơn. Vì vậy, buộc ông Trần Văn Đ và bà Trịnh Thị Hằng phải trả cho Công ty TNHH sản xuất và kinh doanh NV số tiền thuê tài sản là 941.340.633 và số tiền bồi thường thiệt hại cho Công ty TNHH sản xuất và kinh doanh NV do không trả tài sản thuê theo biên bản định giá tài sản ngày 11/01/2022 là 457.885.000 đồng. Tổng cộng hai khoản trên là 1.399.225.633 đồng.

Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH sản xuất và kinh doanh NV và trách nhiệm thanh toán của cả ông Trần Văn Đ và bà Trịnh Thị Hằng như Toà án cấp sơ thẩm đã xác định và không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đ.

[3.3] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí:

- Yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn Đ không được chấp nhận nên ông Đ phải nộp án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn Đ; Giữ nguyên bản án số 22/2022/DS-ST ngày 15 tháng 04 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội như sau:

- Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 117, Điều 472, Điều 473, Điều 474, Điều 479, Điều 481 và Điều 482 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh NV đối với ông Trần Văn Đ.

1. Buộc ông Trần Văn Đ và bà Trịnh Thị Hằng (tên gọi khác: Hạnh) phải trả cho Công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh NV số tiền thuê tài sản theo văn bản chốt nợ ngày 31/3/2020 do ông Trần Văn Đ ký nhận nợ đối với Công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh NV là 941.340.633 đồng (*Chín trăm bốn mươi một triệu, ba trăm bốn mươi nghìn, sáu trăm ba mươi ba đồng*).

2. Buộc ông Trần Văn Đ và bà Trịnh Thị Hằng (tên gọi khác: Hạnh) phải trả cho Công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh NV số tiền bồi thường thiệt hại do không trả tài sản thuê theo văn bản chốt nợ ngày 31/3/2020 do ông Trần Văn Đ ký nhận nợ đối với Công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh NV là 457.885.000 đồng (*Bốn trăm năm mươi bảy triệu, tám trăm tám mươi lăm nghìn đồng*).

Tổng số tiền ông Trần Văn Đ và bà Trịnh Thị Hằng (tên gọi khác: Hạnh) phải trả cho Công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh NV là 1.399.225.633 đồng (*Một tỉ, ba trăm chín mươi chín triệu, hai trăm hai mươi lăm nghìn, sáu trăm ba mươi ba đồng*).

3. Án phí:

Ông Trần Văn Đ và bà Trịnh Thị Hằng (tên gọi khác: Hạnh) phải chịu 53.976.000 đồng (*Năm mươi ba triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Trừ 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm ông Trần Văn Đ đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0025380 ngày 25/4/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.

Hoàn trả Công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh NV số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 37.140.000 đồng (*Ba mươi bảy triệu, một trăm bốn mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0011927 ngày 04/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

**Quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án,*

tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hà Nội;
- Chi cục THA DS huyện Thạch Thất;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Chí Anh